Họ tên	Bộ phận	5	6	7	8	11	12	13	14	15	18	19	20	21	22	25	26	27	28	29	Tổng
VI VĂN KHƯƠNG	BGĐ																				**0**
BAN GIÁM ĐỐC Count	1																				
KHA THỊ HẢI	DƯỢC	2.93	7.92	8.13	8.17	1.23	8.02	8.12	7.85		4.1	8.02	3.58	7.42	8.18	8.12	7.68	7.88	7.98	7.47	**12.9**
KHOA DƯỢC Count	1																				
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC		8.67	5.02	8.68	5.4	8.48	9.07	4.18					8.52	8.6	8.63	8.57	4.03			**9.24**
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC	8.32		1.5	8.4	5.58	8.9		8.42	8.62	8.87				8.02	8.7	2.82	8.28		7.85	**9.94**
KHA VĂN HÀ	TCHC	8.52					8.37	9.08	3.93	5.28	4.05		1.77			6.33					**4.98**
VI VĂN THÌN	TCHC	4.22	8.73	5.23		5.47	8.65	8.18		5.8	7.78	8.82	8.87		8.32	8.3		6.48	8.08		**10.8**
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	7.53	7.85	8.9	7.25	3.47	8.18						1.4	7.63	4.75	3.23	6.85	4.8	2.77	5.03	**8.38**
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	8.62	8.4	4.17	7.72	7.98	8.98	2.43	2.78	8.68	2.72	2.75	6.77	8.33		8.58	8.82	8.8	8.65	8.55	**13**
LỮ VĂN TÒA	TCHC		8.92			5.7	8.83	9.08	8.63	5.8		8.38	5.88	8.43	8.13	8.35	9.03	8.87	4.55		**11.4**
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH C	7																				
HÀ NGỌC ANH	KSBT	8.87				5.57	4.28	8.75	5.73		8.07	7.87	9.08	8.52	7.62	8.13	8.48	8.57	8.83	8.65	**12.3**
VỪ BÁ TỐNG	KSBT	5.57	7.52	9.23	9.08	5.6	8.62	8.7	9.03	8.42	8.65	8.97	8.75	8.7	8.67	8.78	8.83	8.58	5.27	7.1	**16.2**
CỤT VĂN PHON	KSBT	8.68	8.4	8.75	8.33		4.47	8.15	8.32	8.25				7.95	4.12	8.65	3.97				**9.27**
VI VĂN KHOA	KSBT	8.48	8.13	8.35	8.23	5.22	7.92	6.82	7.53	7.02	6.6	5.93	7.15	7.88	6.65	7.98	7.63	6.35	8.77	7.13	**14.7**
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	8.53		8.83	8.73			2.73			8.33		8.52		8.3			7.27	8.4	7.58	**8.13**
GIÀ BÁ SÔ	KSBT	8.88	8.45	8.73		7.82	7.97	8	7.87	8.45	4.27	7.9	7.97	5.55	8.7	7.98	7.52	5.67	8.03	8.32	**14.6**
KHOA KSBT- HIV/AIDS C	6																				
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP	8.63	8.53	8.53	8.32						8.45	8.3	8.47	8.37	4.03	2.87	8.3	8.42	8.4	7.97	**11.3**
VI THỊ NGÂN	ATTP																				**0**
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	8.97	7.78		3.48			7.58	8.57	8.4	3.22	4.22	8.63	8.45	8.75	4.1		8.53	8.47	7.9	**11.3**
MOONG THỊ NHÂN	ATTP			7.73	8.63			8.17					8.47		8.2			8.33	8.32	7.82	**6.91**
VI THỊ MY LA	ATTP			8.9	8.67			8.32					8.48					7.95	8.45	8.23	**6.22**
VÕ VĂN HÙNG	ATTP	8.17	8.25	8.17	3.1				7.28	6.65			7.67	6.55	7.63	7.37	7.07	5.87	6.73		**9.54**
LÔ THỊ HẰNG	ATTP	5.22	5.48		7.87	5.68	5.55		8.05	8.68	7.98										**5.74**
KHOA ATTP - YTCC&DD C	7																				

MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	8.47											8.62	8.17	8.35	7.62	7.68	8.12		7.85	**6.83**
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	8.42	8.43		8.63	5.55	8.77	8.75	8.17	5.4	8.38			8.08	8.23				8.52		**10**
TRẦN THỊ TUYẾT	DÂN SỐ	8.67	7.78		8.52	5.47	6.93	6.67	6.77	8.5	4.2	7.8	8.63	7.03	8.23	8.4	7.73	8.42	8.6		**13.5**
PHÒNG DÂN SỐ Count	3																				
Grand Count	25																				